

Phẩm 26: THỌ MẠNG

Bốn môn giống như trước.

Phân rõ về tên gọi, Thọ là Mạng căn, cũng có thể Mạng và Thọ không hai. Theo Đại thừa thì tức là Ấm nối tiếp nhau, theo Tiểu thừa thì có riêng tánh Bất tương ưng. Ý đưa ra và Tông đã phân rõ ở trên.

Phân rõ về văn. Từ đây về sau hai phẩm, Tâm Vương tự nói, là bởi vì Mạng xứ không nhất định tùy tâm mà thành tự, cũng có thể chỉ riêng phần vị của nhân có các loại nghĩa về tự tại, tức là Thọ đối với Vô thọ. Trong phẩm này vì sao nêu ra cõi của quả? Bởi vì phẩm này là nêu ra nơi chốn, cho nên chọn lấy người có năng lực tu hành. Vì vậy ở dưới nói: Phổ Hiền đầy đủ trong đó. Văn này có ba: Một là tổng quát nói cho biết, hai là nêu ra cõi làm chỗ dựa, ba từ “Phổ Hiền...” trở xuống là phân rõ năng lực tu tập tiến vào nhân hạnh. Trong văn thứ hai, đầu là tóm lược về mười cõi, hai là mở rộng về so sánh mà thôi.

Phẩm 27: BỒ TÁT TRÚ XÚ

Bốn môn giống như trước.

Giải thích về tên gọi, nghĩa về con người và ba nghĩa về chỗ dựa mà được tên gọi, có thể biết. Ý đưa ra và Tông đã phân rõ ở trên.

Giải thích văn. Dựa theo phần vị dưới giống nhau cho nên phân rõ về nơi chốn. Đây tức là Trú đối với Vô trú mà thôi. Vả lại, tuy con người giống nhau, mà Vô sinh làm Sinh, Vô trú làm Trú. Văn này có hai: Một là bởi vì không trú vào có, cho nên trình bày về tám trú xứ thanh tịnh ở mười phương; hai là bởi vì phân rõ về hữu vi không cùng tận, cho nên dựa vào bốn biển-mười lăm xứ nhiễm.

Phẩm 28: PHẬT BÁT TƯ NGHỊ PHÁP

Từ đây trở xuống trả lời ba mươi hai câu hỏi trong Hội thứ hai, sau là mười ba câu hỏi về quả đức mà thôi. Nhưng hỏi đáp phân rõ về nghĩa, là trình bày về Bí giáo thuộc Viên tông, hiển bày vào lúc lắng nghe tu tướng phương tiện làm sáng tỏ ở lòng nghĩ mắt nhìn, khiến cho người

thuyết pháp được lợi ích không che kín tông thú, người phát tâm cao xa không ngại luyện tập mong cầu. Vì vậy kinh nói: Ở trong Chánh thuyết an trí tùy theo nghĩa của lời nói, ở trong Chánh nghĩa an trí tùy theo lời nói về nghĩa. Tùy theo nghĩa của lời nói thì nghĩa không phải là nghĩa của Thể riêng biệt; tùy theo lời nói về nghĩa thì lời nói không phải là lời nói của sự giải thích riêng biệt, đây là lời nói chính xác thì không thể nào chấp trước, giải thích tên gọi để xác định về Thể của pháp. Vì vậy trong Chánh tông của kinh này, nhân quả thuận theo nhau, hỏi đáp nối liền theo nhau, không ẩn mất một ý nào, đây chính là sự khéo léo của Đại Thánh, trong phương tiện tu tập thành tựu nhân quả. Trên đây là trả lời về nhân hạnh xong.

Tiếp theo xuống ba phẩm sau là trả lời về quả. Đầu là phẩm Bất tư nghị tức là đức của Pháp thân, hai là phẩm Tướng hải tức là đức của Ứng thân, ba là phẩm Tiểu tướng tức là đức của Hóa thân. Đây là dựa vào Tam thừa. Nếu dựa vào Nhất thừa, thì phẩm đầu là Thể, phẩm hai là Tướng, phẩm ba là Dụng.

Bốn môn giống như trước.

1) Phân rõ về tên gọi: Phật bất tư nghị pháp, đây là căn cứ vào quả cho nên nêu rõ Phật làm đầu tiên của quả, không phải là Địa dưới mà suy lường được; pháp là nhờ vào con người mà làm quy phạm, cũng có thể là tự Thể; dựa vào ba nghĩa mà được tên gọi.

2) Vì sao đưa ra Phẩm? Bởi vì nhân hạnh đầy đủ rồi, tiếp theo hạnh thành tựu đạt được quả mà thôi.

3) Trình bày về Tông. Phẩm này, trong ba thân thì dùng Pháp thân làm Tông; nếu dùng Thể-Tướng-Dụng để phân thì tự Thể của quả đức làm Tông, cũng có thể đầu là Thể-tiếp là Tướng-sau là Dụng, dựa theo ba thân nối thông ba loại này mà thôi.

4) Giải thích văn. Sở dĩ Thanh Liên Hoa tuyên thuyết, là bởi vì quả không tự mình làm sáng tỏ. Đây là nhờ vào nhân mà hiển bày về hoa, bởi vì Thanh Liên Hoa là thù thắng. Sở dĩ nói cho Liên Hoa Tạng biết, bởi vì không phải là nhờ vào Tạng thanh tịnh thì không biết từ đâu thân nhiếp tiếp nhận quả thù thắng? Văn này có hai: Một là Tựa, hai từ “Nhĩ thời Thanh Liên Hoa thừa Phật...” trở xuống là trình bày về chính thức tuyên thuyết.

Văn về Tựa có ba: Một, ý niệm nghi ngờ của chúng hội, văn này có hai, một là tổng quát sinh khởi ý niệm, hai là đưa ra pháp đã nghi ngờ. Hai, từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là uy và lực gia hộ. Ba, từ “Nhĩ thời Thanh Liên Hoa tức nhập...” trở xuống là trình bày nhập Định

quán xét về pháp, cũng có thể là không nhập Định. Nguyên cố thể nào? Do pháp của quả này đã tự sâu xa, lại nhập Định để hiển bày. Tín Giải lui sụt bởi vì pháp sâu xa, cho nên chỉ quán xét về pháp giới. Hai phẩm sau thuận theo như vậy mà thôi. Do đó phân tích trong văn trên dưới, thì pháp giới là cảnh của quán nào?

Đáp: Dựa vào văn kinh này và Địa Luận thì có hai nghĩa: Một, nếu dựa vào Địa Luận phân định, thì chính là cảnh của quán lý Đệ nhất nghĩa đế, đây là dựa theo Tam thừa phân định; hai, nếu dựa vào văn trên dưới của kinh, thì gồm chung cảnh của hai quán lý-sự, pháp ấy rộng lớn thông suốt chứ không phải là hạn hẹp, nhưng phần vị thuộc về Vô vi mà thôi.

Trong phần một là hỏi tóm lược nghĩ đến mười pháp, là pháp của quả này chứ không phải là cảnh của suy nghĩ, cho nên đều không suy nghĩ. Nghĩa của mười câu này có năm: Một câu đầu phân rõ về quả của Y báo(y quả), tiếp theo hai câu là hỏi về nhân hạnh, tiếp theo một câu là hỏi về quả đức của Chánh báo, tiếp theo ba câu là hỏi về đức tướng ba nghiệp-trí tuệ-âm thanh của Pháp thân Phật, ba câu sau cuối là hỏi về thần lực tự tại. Trong mười câu trong phần ba là quán xét về pháp, năm câu đầu là Tự lợi, năm câu sau là Lợi tha.

Hai là từ “Nhĩ thời Thanh Liên Hoa...” trở xuống là chính thức tuyên thuyết: Phẩm này trả lời xa về mười câu trên, tức là đức của Pháp thân; tiếp là phẩm Tướng hải trả lời về một câu thuộc Bất động, tức là đức của Báo thân; tiếp là phẩm Tiểu tướng trả lời về hai câu thuộc Phật trí-sáu căn của Phật trước đây, tức là quả của Hóa thân. Ở đây nói cho Thanh Liên Hoa Tạng biết, là pháp khí thù thắng sâu sắc.

Trong văn đáp phân hai: Một, mười câu đầu là tổng quát mà cũng là riêng biệt; hai, từ “Thử cú...” trở xuống là riêng biệt. Trong riêng biệt tóm lược nêu ra ba trăm hai mươi loại công đức pháp môn để chỉ rõ, có năm:

- 1) Năm mươi câu đầu trả lời một câu hỏi về quốc độ trước đây.
- 2) Từ “Thập chủng xuất sinh trú trì...” trở xuống là năm mươi câu trả lời hai câu hỏi về nguyện thanh tịnh và chủng tánh trước đây.
- 3) Từ “Hữu thập chủng Phật sự...” trở xuống là sáu mươi câu trả lời một câu hỏi về Phật xuất thế trước đây.
- 4) Từ “Nhất thiết chư Phật hữu vô ngại trú...” trở xuống là chín mươi câu trả lời ba câu hỏi về tướng ba nghiệp của Phật.
- 5) Từ “Thập chủng tối thắng lực...” trở xuống là bảy mươi câu trả lời ba câu hỏi về tác dụng của thần lực trước đây.

Trong năm mươi câu phần một: Một, mười câu phân rõ về diệu trí là chỗ dựa của hành đức; hai, mười câu về thật tánh tùy duyên để thành tựu mười loại hành đức; ba, mười câu về pháp tương xứng khởi hạnh để thành tựu mười trí phương tiện; bốn, mười câu về khéo sử dụng tùy duyên đầy đủ đức Tự-tha không sai thời gian; năm, mười câu về cảnh không suy nghĩ là trình bày về cảnh giới khéo sử dụng hợp cơ không sai lầm cho nên quả vượt lên trên chỉ có tuyệt vời.

Trong mười câu phần một có ba: Đầu là hai câu phân rõ về hành đức tương ứng với Tự phần, tiếp theo bảy câu là hạnh nhiếp hóa Lợi tha, tiếp theo một câu là Tự-tha thật sự hợp nhau bình đẳng không hai. Trong mười câu phần hai có ba: Đầu là bảy câu trình bày về tác dụng sáu căn thuộc công đức của Pháp thân, tiếp theo hai câu trình bày về thần thông tự tại của hai pháp Y-Chánh, tiếp theo một câu trình bày về nhân viên mãn... của Phật mà chư Phật đã chứng. Trong mười câu phần ba có thể biết. Trong mười câu phần bốn có hai: Đầu là hai câu về Tự lợi, sau là tám câu về Lợi tha. Trong mười câu phần năm có thể biết.

Trong năm mươi câu phần hai: Một, ba mươi câu trả lời về nguyện thanh tịnh trước đây; hai, từ “Ly ác...” trở xuống là hai mươi câu trả lời về chủng tánh.

Mười câu thứ nhất từ Chánh trí phát ra, sau đạt được công dụng của Nguyện trí trú trì. Phần này có hai: Đầu là ba câu về Tự lợi, sau là bảy câu về Lợi tha. Mười câu thứ hai lấy công dụng bên ngoài dựa vào thành tựu bên trong, tức là pháp của đức bên trong. Trong đó: Đầu là ba câu về ba nghiệp đầy đủ đức, tiếp theo bảy câu là công đức nhiếp hóa của ba nghiệp. Mười câu thứ ba là do thành tựu đức bên trong trước đây thật sự làm sáng tỏ công dụng bên ngoài, cho nên chỉ có thù thắng chứ không thêm gì nữa. Trong đó: Đầu là hai câu về hạnh Tự lợi, tiếp theo hai câu là phương tiện Lợi tha, tiếp theo một câu là đầy đủ đức Tự lợi, tiếp theo năm câu là đầy đủ đức Lợi tha. Mười câu thứ tư là đức nổi bật cho nên thanh tịnh, đầu là sáu câu về không đắm nhiễm bởi Tự hành, tiếp theo bốn câu là không đắm trước đối với Lợi tha. Mười câu thứ năm là thanh tịnh quyết định cho nên cứu cánh, đầu là sáu câu về nhân hạnh thanh tịnh đầy đủ, tiếp theo bốn câu là quả của ba thân thanh tịnh đầy đủ. Trong bốn câu thì một câu đầu là Hóa thân, một câu tiếp là Pháp thân, hai câu còn lại là Báo thân.

Trong sáu mươi câu phần 3: Một, mười câu trình bày về đức của Hóa thân; hai, năm mươi câu là đức của Báo thân, đều là đức của Pháp thân này. Phật sự là có thể phát khởi công dụng to lớn, Hóa thân thâu

nhiếp tướng của lợi ích.

Mười câu phần một có hai: Đầu là năm câu về phương tiện Lợi tha, tiếp theo năm câu là lợi ích đích thực của Lợi tha. Trong năm mươi câu phần hai: Mười câu thứ nhất là một trí Vô tận có công dụng như biển, một câu đầu trình bày về chỗ dựa của Pháp thân. Mười câu thứ hai là đức dụng chủ động dựa vào, đầu là bốn câu về hạnh Tự lợi, tiếp theo sáu câu là Thể của hạnh Lợi tha. Mười câu thứ ba là Thường pháp, đầu là bốn câu về hạnh Tự giác đầy đủ, tiếp theo sáu câu là hạnh Giác tha đầy đủ. Mười câu thứ tư là pháp của Đức Phật thuyết vô lượng có thể biết. Mười câu thứ năm là thường làm Phật sự, đầu là bốn câu trình bày về ba nghiệp thực hành giáo hóa thân nhiếp lợi ích đối với Tịnh độ, tiếp theo ba câu là hiện rõ trí trì bằng Sắc, tiếp theo hai câu là hiện rõ trang nghiêm bằng vật báu, tiếp theo một câu là nhập Định làm lợi ích cho các Bồ-tát, cũng có thể là chỉ im lặng chứ không phải là Định. Mười câu thứ sáu là kiên cố, đầu là năm câu trọn vẹn đức của Tự phần, tiếp theo hai câu là hạnh hồi hướng thẳng tiến, tiếp theo ba câu là tu thành tựu lợi ích giáo hóa.

Trong chín mươi câu phần 4, có ba: Một, ba mươi câu trả lời một câu hỏi về Pháp thân trước đây; hai, ba mươi câu trả lời về khẩu nghiệp như âm thanh... trước đây; ba, ba mươi câu trả lời về ý nghiệp của Phật trí.

Mười câu thứ nhất là Vô ngại trú, đầu là ba câu về Tự hành vô ngại, tiếp theo là bảy câu Lợi tha vô ngại. Mười câu thứ hai là trang nghiêm thù thắng nhất, đầu là ba câu về trang nghiêm Thể của ba nghiệp, tiếp theo là sáu câu về Dụng của ba nghiệp, tiếp theo một câu là đầy đủ đức hạnh Lợi tha. Mười câu thứ ba là Chánh pháp tự tại có thể biết. Nói không phải là không giác ngộ trước Chánh pháp của chư Phật cũng không trú vào Giác địa mà thành tựu Chánh giác, ở đây có hai ý: Một là chọn lấy nghĩa trong văn, trong này Phật thì không phải là giống như Phật của Tiểu thừa, bởi vì chính là Phật của Đại thừa thuộc về nhân của Cọng giáo; hai là dùng nghĩa của Phổ Hiền chọn lấy môn Tín riêng biệt của dị sinh, giả sử Phật ấy trước sau hiện rõ thành tựu thì đều giống như giác ngộ trước, đều giống như thuộc về cứu cánh lìa xa địa vị của Học và không giác ngộ, là pháp của Phổ Hiền thân nhiếp cho nên tự tại cả ba đời. Ý này nên suy nghĩ! Mười câu thứ tư là một Bất tư nghị thành tựu Chánh giác, đầu là bốn câu về nhân trọn vẹn, tiếp theo là ba câu về thành tựu hạnh Lợi tha, tiếp theo là ba câu về ba thân đầy đủ đức trọn vẹn thành Phật. Mười câu thứ năm là phương tiện khéo

léo diệu kỳ, đầu là bốn câu về Tự hành, tiếp theo là sáu câu về Lợi tha. Mười câu thứ sáu là Phật sự có thể biết. Mười câu thứ bảy là Pháp Vương, đầu là bảy câu về đức Tự lợi, tiếp theo là hai câu về hạnh Lợi tha, tiếp theo là một câu về Tự-tha, bởi vì hai quả thâm nhiếp lẫn nhau không sai khác. Mười câu thứ tám là trú vào pháp, đầu là bốn câu về đức Lợi tha, tiếp theo là sáu câu về khởi dụng về Bi... vô tận. Mười câu thứ chín là biết rõ không có gì sót, đầu là ba câu nhận biết không hề sót về pháp giới..., tiếp theo là hai câu nhận biết về khí thế gian nhiễm trước, tiếp theo là năm câu nhận biết về các pháp thuộc nhân xuất thế.

Trong bảy mươi câu phần năm: Một, mười câu trả lời một câu hỏi về thân lực trước đây; hai, năm mươi câu trả lời về Vô ngại trú trước đây, ba, mười câu trả lời về giải thoát trước đây.

Mười câu thứ nhất là lực thù thắng, đầu là nêu ra-sau là giải thích, đầu là bốn câu thành tựu Tự hành, tiếp theo sáu câu là đầy đủ hạnh Lợi tha. Nghĩa về bốn Trú trong câu thứ mười: Nơi Đức Phật an trú, tức là Ngã thù thắng nhất, là Phật trú; tiếp theo là Vô ngại, tức là Định thuộc Chân Không, là Thánh trú; tiếp theo là tâm Vô ngại, tức là Thiên trú; tiếp theo là Đại Bi, tức là Phạm trú. Mười câu thứ hai là Định, có thể biết. Mười câu thứ ba là Pháp, đầu là năm câu đạt được đầy đủ thiện của thế gian, tiếp theo năm câu là thành tựu hạnh xuất thế. Mười câu thứ tư là pháp thanh tịnh, đầu là sáu câu tiến vào nhân hạnh, tiếp theo bốn câu là tiến vào cảnh giới của ba thân Phật. Mười câu thứ năm là Nhất thiết trí an trú lìa tướng chướng ngại thuận theo Bất động, đầu là hai câu nhận biết về tánh của căn khí, tiếp theo một câu là tổng quát, từ “Tam luân hóa...” trở xuống là bảy câu riêng biệt. Trong riêng biệt, đầu là ba câu về Thân thông luân, tiếp theo một câu là Chánh giáo luân, tiếp theo ba câu là Ký tâm luân hóa. Mười câu thứ sáu là Tam-muội không thể nghĩ bàn, đầu là hai câu về phương tiện Lợi tha, tiếp theo ba câu là phương tiện Tự lợi, tiếp theo một câu là Lợi tha thuần thực, tiếp theo một câu là Tự lợi thuần thực, tiếp theo ba câu là tác dụng vắng lặng giải thoát tự tại cứu cánh. Mười câu thứ bảy là Vô ngại giải thoát, đầu là năm câu về hiện bày chư Phật chuyển pháp luân giáo hóa ở trong một mảy trần, tiếp theo năm câu là ở hiện tại thâm nhiếp chư Phật ba đời hiện bày ở trong một môn.

Lại trong kinh Đại Thừa Đông Tánh nói: “Phật có mười loại Địa, thiện trượng phu Phật địa có mười, tất cả Bồ-tát và Thanh văn Bích-chi-Phật... vốn không có thể thực hành được. Thế nào là mười? Đó là:

- 1) Tên là Thâm thâm nan tri quảng minh trí đức địa.

- 2) Tên là Thanh tịnh thân phần uy nghiêm bất tư nghị minh đức địa.
- 3) Tên là Thiện minh nguyệt tràng bảo tướng hải tạng địa.
- 4) Tên là Tinh diệu kim quang công đức thần thông phước đức địa.
- 5) Tên là Luân uy tạng minh đức địa;
- 6) Tên là Hư không nội thanh tịnh vô cấu diệm quang khai tướng địa;
- 7) Tên là Quảng thắng pháp giới tạng minh giới địa;
- 8) Tên là Tối tịnh thiện giác trí tạng năng tịnh vô cấu vô biên vô

ngại trí thông địa;

9) Tên là Vô biên ức trang nghiêm hồi hương năng chiếu minh địa;

10) Tên là Tỳ-lô-giá-na trí hải tạng địa. Thiện tượng phu này là danh hiệu mười Địa của Như Lai, trí tuệ của chư Phật không thể nào nói đầy đủ về Thiện tượng phu Phật.”

Địa thứ nhất, là trừ bỏ tất cả tập khí vi tế, lại được tự tại đối với tất cả các pháp. Địa thứ hai, là chuyển pháp luân, nói về pháp sâu xa. Địa thứ ba, là nói về các pháp thức của Thanh văn, lại còn hiển bày nói về Tam thừa. Địa thứ tư, là nói về tám vạn bốn ngàn pháp môn, lại còn làm hàng phục bốn loại ma. Địa thứ năm, là như pháp làm hàng phục các ngoại đạo, lại còn làm hàng phục ngạo mạn và số đông. Địa thứ sáu, là giáo hóa thị hiện vô lượng chúng sinh trong sáu Thần thông, lại còn hiển hiện sáu loại Đại thần thông, đó là hiện bày cõi Phật công đức trang nghiêm thanh tịnh vô biên, hiện bày Đại chúng vây quang vô biên Bồ-tát, hiện bày cõi Phật rộng lớn vô biên, hiện bày tự Thể của cõi Phật vô biên, hiện bày trong vô biên các cõi Phật từ trời Đâu-suất xuống thác thai cho đến lúc pháp diệt, thị hiện các loại thần thông vô biên. Địa thứ bảy, là vì các Bồ-tát nói về bảy Bồ-đề phần đúng như thật, không có gì vốn có, lại không có gì đấm trước. Địa thứ tám, là thọ ký cho tất cả Bồ-tát về bốn loại A-nậu Đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Địa thứ chín, là làm phương tiện khéo léo cho các Bồ-tát. Địa thứ mười, là nói cho các Bồ-tát về tất cả các pháp không có gì vốn có, lại nói cho biết về tất cả các pháp xưa nay vắng lặng vốn là Đại Niết-bàn. Đây là thuận theo Tam thừa mà thôi.

Phẩm 29: NHƯ LAI TƯỚNG HẢI

Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích về tên gọi: Tướng của Phật vô cùng tận cho nên như biển. Nay dựa vào giống như con người mà nói là ba mươi hai tướng tốt, hơn hẳn chư Thiên cho nên nói là tám mươi vẻ đẹp, cũng có thể là thuận theo thần sắc mà thôi. Đây là dựa theo cách giải thích của Tam thừa. Nay văn này là tướng của Nhất thừa, cho nên như biển. Vì lẽ đó mà Phổ Hiền nói là dựa vào đức vô biên.

Hỏi: Phẩm Bất tư nghị pháp trên đây nói riêng cho một người, nay vì sao không như vậy?

Đáp: Pháp trên đây là Thể hiển bày thù thắng cho nên nói riêng mà thôi.

2) Ý đưa ra, bởi vì trước là Thể-sau là Tướng, cho nên đưa ra.

3) Trình bày về Tông, dựa vào Tam thừa dùng ba mươi hai tướng Đại tướng phu làm Tông, cũng có thể mở rộng thêm không giống như ba mươi hai tướng, tức là như văn phân rõ về tướng đức làm Thể mà thôi.

4) Giải thích văn. Văn này có hai: Một, khuyên nhủ lắng nghe đồng ý thuyết giảng; hai, phân rõ rộng ra. Phần này có hai: Một là tóm lược phân rõ về chín mươi ba loại tướng của bậc Đại Nhân, hai là về sau tổng quát trình bày mười tướng của bậc Đại Nhân ở thế giới Liên Hoa Tạng. Văn phần một: Đầu là bảy tướng trên đỉnh; tiếp từ “Danh viên mãn...” trở xuống là hai mươi hai tướng trang nghiêm trên đỉnh; tiếp là ba tướng giữa chạng mày; mắt mũi đều có một tướng; lưỡi có bốn tướng; nướu răng là một tướng; răng cửa có bốn tướng; răng hàm có một tướng; vai có năm tướng; ngực có một tướng; sườn có một tướng; bụng có bảy tướng; phần dưới có hai tướng; tay có mười hai tướng; mã tàng có ba tướng; bắp vế có hai tướng; mu chân có hai tướng; đầu lông có một tướng; chân có mười ba tướng. Văn về mỗi một tướng có bốn: Một là nêu ra tên gọi; hai là đưa ra Thể; ba là ánh sáng; bốn là ánh sáng chiếu đến cảm được lợi ích, đối với phạm vi của duyên.

